

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 842/2024/DS-PT

Ngày: 25-9-2024

“V/v tranh chấp thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 551/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc: “tranh chấp thừa kế”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2770/2024/QĐ-PT, ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trịnh Văn L, sinh năm 1937; cư trú tại: số G, tổ C, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trịnh Hồng S, sinh năm 1970; cư trú tại: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: luật sư Nguyễn Văn B, Công ty TNHH MTV R; địa chỉ: Số A ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1984; cư trú tại: số H khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: luật sư Phạm Anh V, Văn phòng luật sư Phạm Anh V; địa chỉ: số C đường T, khu phố D, Phường V, Thành phố R, Kiên Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trát Minh H, sinh năm 1958; cư trú tại: 7337 BECKFORD AVE RESEDA, C1 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1984; cư trú tại: số H khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bà Danh Thị Cẩm N1, sinh năm 1992; cư trú tại: số H khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Nguyễn Hoàng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trịnh Văn L và ời"người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày: ông Trịnh Văn L và bà Nguyễn Thị B1 là vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Tài sản tranh chấp là nhà và đất của bà Nguyễn Thị B1 (đã được cấp ấ"giấy chứng nhận cho bà B1). Bà B1 có để lại di chúc cho ông Trịnh Văn L được hưởng tài sản để lo cho bà B1 khi trăm tuổi (khi chết). Khi bà B1 chết thì ông L đã chăm lo cho bà B1. Năm 1998, bà B1 lập di chúc để lại tài sản cho ông L, đến năm 2008 thì ông Trát Minh H là con nuôi về nước thăm bà B1 thì bà B1 để di chúc lại cho ông H, sau đó thì ông H lại đi nước ngoài. Đến năm 2011 thì bà B1 có làm văn bản với nguyện vọng để lại tài sản cho ông L để ông L chăm lo cho bà B1 lúc bà B1 trăm tuổi (ý nói là khi chết), vì vậy mà khi bà B1 chết thì ông L đã chăm lo cho bà B1 như nguyện vọng.

Trong thời gian bà B1 còn sống thì có cho anh N ở phía sau nhà, sau khi bà B1 chết thì vợ chồng anh N chuyển lên ở nhà chính và có sửa chữa lại nhà là nâng nền và thay tôn (tole).

Nay ông L yêu cầu công nhận di chúc bà B1 lập 13/10/1998 là hợp pháp để ông được hưởng thừa kế di sản và yêu cầu gia đình anh N phải tháo dỡ, di dời trả lại tài sản cho ông L. Đối với tiền công sức anh N đã bỏ ra nâng nền, thay tole nếu anh N có yêu cầu thì ông L sẽ trả lại cho anh N. Đồng thời, yêu cầu xác định nội dung văn bản ủy quyền ngày 18/11/2011 là ý chí nguyện vọng của bà B1.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N và cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trát Minh H trình bày: bà Nguyễn Thị B1 là bạn với ông Trịnh Văn L, ông L chỉ ghé nhà bà B1 chứ không có chung sống, bà B1 có một người con nuôi là ông Trát Minh H, ông H sinh sống ở nước ngoài chứ không có ở Việt Nam. Ngoài ra, bà B1 không có người thừa kế nào khác.

Anh là cháu của bà B1 nên vào năm 2010, bà B1 có kêu anh về ở chung để chăm sóc cho bà B1, do bà Ba bị bệnh, đến cuối năm 2011 thì bà B1 chết, ông H có về dự đám tang của bà B1 và có kêu anh ở trong nhà để thờ phụng bà B1, do ông H định cư ở Mỹ.

Trước đây, ông L có đến nhà bà B1 ở chung chứ không phải là vợ chồng cũng không có đăng ký kết hôn. Năm 1998, bà B1 có lập di chúc để lại tài sản cho

ông L nhưng đến năm 2008 thì con nuôi của bà B1 là ông H về nước thăm bà B1 nên bà B1 lập di chúc mới để lại tài sản cho ông H, vì vậy mà ông H là người được hưởng tài sản, ông H cho anh ở trong nhà thì anh ở, nên anh không đồng ý trả lại nhà cho ông L. Khi nào ông H đòi trả thì anh trả.

Đối với việc anh N có sửa nhà là nâng nền nhà và lợp lại mái tôn (tole) thì anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nếu Tòa án buộc anh di dời thì anh cũng không yêu cầu ông L bồi thường. Giữa anh với ông H sẽ giải quyết với nhau về phần tài sản công sức của anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Danh Thị Cẩm N1 trình bày: từ lúc chị về ở thì đã có nhà sẵn, do mưa ngập và mái tôn cũ nên đến tháng 12/2018 vợ chồng chị nâng nền và lợp tole từ trước ra sau (thay toàn bộ phần mái tôn). Theo chị biết thì nhà đất là của bà cô của anh N tên là Nguyễn Thị B1. Do lúc bà cô còn sống thì kêu vợ chồng chị về ở trong nhà, đến năm 2011 thì cô chết, chỉ để lại di chúc cho ông Trát Minh H. Ông H đồng ý cho vợ chồng chị ở trong nhà và đồng ý cho anh chị sửa nhà, khi nào ông H yêu cầu thì vợ chồng chị trả, không đồng ý với yêu cầu của ông L.

Đối với chi phí sửa chữa nhà thì vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do nhà của bà cô để cho ở thì vợ chồng chị tự nguyện sửa chữa để ở nên không yêu cầu phản tố về công sức cải tạo đối với căn nhà này. Hiện nay trong nhà này có chị, anh N và 02 người con là Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2010 và Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh năm 2017, ngoài ra không có ai khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

Công nhận “Tờ Dic, lập ngày 13/10/1998” của bà Nguyễn Thị B1 là hợp pháp. Theo đó, “Tờ Dic, lập ngày 10/6/2008” (khu phố xác nhận ngày 18/6/2008 của bà Nguyễn Thị B1 là không có giá trị pháp lý.

Chấp nhận cho ông Trịnh Văn L được hưởng thừa kế là di sản của bà Nguyễn Thị B1 theo di chúc ngày 13/10/1998. Ông Trịnh Văn L được nhận di sản là nhà và đất tọa lạc tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, theo ấy" giấyứng nhận quyền sử dụng đất số AK 554203, ngày 11/4/2008 cấp cho ộ" Hộ) Nguyễn Thị B1 thửa đất số 55, tờ bản đồ số 21, HYPERLINK "file:///C:\\Users\\tkds\\Downloads\\46" \\o "diện" diệnch là 59,6m² (diện tích theo đo ạc" đạc cực tế là 64,9m²). Phần đất được giới hạn bởi các điểm từ 1-4, cạnh 1-2=7m, cạnh 2-3=8,81m, cạnh 3-4=7m, cạnh 4-1=9,78m. Căn cứ theo Tờ trích đo số TĐ 257-2020 (55-21), ngày 07/9/2020 của Chi nhánh Vănnng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Kiên Giang lập (BL 97).

Ông Trịnh Văn L được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên trên ấy" giấyứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- *Quyền lưu cư:* Anh Nguyễn Hoàng N, chị Danh Thị ả" Cẩmn và 02 người con là Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2010 và Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh năm

2017 được quyền lưu cư (ở lại) trên nhà đất tranh chấp trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/2/2024 ông Nguyễn Hoàng N có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Trát Minh H nhận thấy trong thời gian ông ở nước ngoài thì ông L có chăm sóc cho mẹ ông là bà B1 trong lúc ốm đau nên ông đồng ý thanh toán cho ông Trịnh Văn L số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, và ông L sẽ giao lại giấy tờ nhà đất đứng tên bà B1 cho ông H quản lý. Ông L không tranh chấp di sản là nhà đất do bà B1 để lại.

Việc thỏa thuận này được tất cả các đương sự thống nhất và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện ẽm" kiểmt nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng N trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị Cẩm N1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nguồn gốc phần đất và quá trình lập di chúc của bà Nguyễn Thị B1 hiện như sau:

[3.1] Vào ngày 13/10/1998 bà Nguyễn Thị B1 có lập “Tờ Di chúc” để lại tài sản cho ông Trịnh Văn L, nội dung di chúc có nêu rõ: “... Bà Nguyễn Thị B1 tuyên bố số tài sản của bà gồm một miếng đất thổ cư, diện tích 82,80m² và một

căn nhà chiều ngang 4,7m x dài 10m tại khu phố M..., di chúc lại cho ông L là chồng chấp nối của bà..., ông L được hưởng toàn bộ số tài sản nêu trên và ông L có trách nhiệm lo hậu sự cho tôi khi tôi qua đời...”. Văn bản này có xác nhận của UBND thị trấn M, ngoài ra có sự chứng kiến của ông Hoàng Ngọc T, Huỳnh Văn C và Quách Thanh M.

[3.2] Đến ngày 14/6/2008 bà B1 lập “Tờ Di chúc” nội dung: ...Nguyên do trước đây giữa tôi với con tôi không liên lạc được, ...nên tôi làm di chúc cho ông L, nay đã liên lạc được với con...ông L biết tôi và con tôi và ông đã gặp nó nên ông bàn với ông H và giao lại di chúc cho con làm chủ số đất...Vậy kể từ nay đến khi qua đời thì con trai tôi thừa hưởng nhà đất, ông L không còn hưởng gì nữa của gia đình tôi, nên ông đã tự kê tôi làm lại di chúc để tên là Trát Minh H được quyền định đoạt căn nhà và đất, không ai được quyền tranh chấp...”. Văn bản này có chữ ký của ông Trịnh Văn L, dấu lấn tay của bà Nguyễn Thị B1, chữ ký của ông Trát Minh H và có xác nhận của Ban lãnh đạo khu phố.

[3.3] Đến ngày 18/01/2011 bà B1 tiếp tục lập “Tờ ủy quyền (Di chúc)” nội dung: ”...Nguyên tôi có một nền nhà đất..., Nay tôi ủy quyền lại cho ông L, nếu sau này tôi có 100 tuổi già thì số đất nêu trên ông L có quyền mua bán, sang nhượng...để lo cho tôi, không ai được quyền đứng ra tranh chấp phần đất này...”. Văn bản này có chữ ký của ông L, bà B1 và của 2 người chứng kiến ông Lâm Hồng P, Phạm Văn T1 và có xác nhận của Ban lãnh đạo khu phố.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Hoàng N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn L và ông Trát Minh H1 thỏa thuận: ông H1 đồng ý thanh toán cho ông Trịnh Văn L số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng; ông L trả lại giấy tờ nhà đất của bà B1 lại cho ông H1 là người thừa kế của bà B1; ông L không tranh chấp di sản thừa kế của bà B1 để lại; ông H1 được toàn quyền hưởng thừa kế di sản bà B1 để lại. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Đối với di sản của bà B1 để lại do vợ chồng ông Nguyễn Hoàng N, bà Danh Thị Cẩm N1 và 02 người con là Nguyễn Hoàng K, sinh năm 2010 và Nguyễn Hoàng Thiên K1, sinh năm 2017 đang quản lý, sử dụng; ông Trát Minh H đồng ý để cho ông N, bà N1 được tiếp tục quản lý, sử dụng, các bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: tổng số tiền là 5.970.000đ, ông L chịu và đã nộp thanh toán xong.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trịnh Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì “5. Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm...” nên ông Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Ông Trát Minh H được hưởng thừa kế quyền tài sản do bà Nguyễn Thị B1 để lại theo quy định của pháp luật.

2. Ông Trát Minh H có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Văn L số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Ông Trịnh Văn L phải trả lại cho ông Trát Minh H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 554203 ngày 11/4/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị B1.

4. Về chi phí tố tụng: tổng số tiền là 5.970.000đ, ông L chịu và đã thanh toán xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trịnh Văn L được miễn.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007752 ngày 05/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc

Trần Văn Đạt

Lê Văn An